



GIỮ VỮNG HI VỌNG: LÀM SAO ĐỂ QUAN HỆ MỸ - TRUNG KHÔNG XẤU ĐI?

Nguồn: James Steinberg & Michael O’Hanlon (2014), “Keep Hope Alive: How to Prevent U.S.-Chinese Relations From Blowing Up”, *Foreign Affairs*, Vol. 93, No. 4, pp. 107-117.

Biên dịch: Ngô Thanh Tâm | **Hiệu đính:** Lê Hoàng Giang

Trong cuộc họp thượng đỉnh vào cuối tháng 6 năm ngoái tại California, Tổng thống Mỹ Barack Obama và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã cam kết sẽ xây dựng lòng tin giữa hai quốc gia. Kể từ đó, những diễn đàn đối thoại chính thức mới đã được tổ chức (điển hình là những cuộc đối thoại quân đội trực tiếp được bộ trưởng quốc phòng hai nước tuyên bố gần đây), nhằm hỗ trợ cho các diễn đàn có sẵn như Đối thoại Chiến lược và Kinh tế (với sự tham gia của các quan chức ngoại giao và kinh tế hàng đầu của hai nước). Nhưng bất chấp những nỗ lực đó, lòng tin giữa Washington và Bắc Kinh nói riêng – và giữa hai quốc gia nói chung – vẫn còn rất thấp, và khả năng xảy ra xung đột ngẫu nhiên hoặc có chủ đích giữa Mỹ và Trung Quốc có vẻ đang gia tăng. Xét tới những phí tổn khổng lồ mà một cuộc xung đột như vậy có thể sẽ mang lại cho cả hai phía, việc tìm ra cách để ngăn chặn được nó là một trong những thách thức quốc tế quan trọng nhất cho những năm và những thập kỷ sắp tới.

Có thể dễ dàng kể đến những nhân tố đang bào mòn lòng tin. Bối cảnh an ninh và kinh tế Đông Á đang trải qua thay đổi to lớn mang tính kiến tạo, chủ yếu bắt nguồn từ sự trỗi dậy kinh tế vượt trội của Trung Quốc trong những thập kỷ gần đây. Phép màu kinh tế đó đã giúp Trung Quốc có thể gia tăng năng lực quân sự và nâng tầm vai trò chính trị trong và ngoài khu vực. Giới lãnh đạo và các chiến lược gia nổi bật của Trung Quốc đang gắng sức quá quyết rằng sự trỗi dậy của Trung

Quốc sẽ diễn ra trong hòa bình và không đe dọa đến các nước láng giềng hay trật tự chính trị và kinh tế quốc tế đang tồn tại. Nhưng nhiều thành viên trong cộng đồng thế giới vẫn tỏ ra lo ngại và thậm chí hoài nghi, do nhận thức rõ rằng trong lịch sử và lý thuyết quan hệ quốc tế có rất nhiều ví dụ về những xung đột nổ ra từ những va chạm giữa một cường quốc thống trị và một cường quốc đang trỗi dậy.

Hơn nữa, những hoài nghi đó lại được kích động thêm bằng chính những hành động gần đây của Trung Quốc, từ những hoạt động hàng hải cứng rắn trên biển Hoa Nam (biển Đông) và biển Hoa Đông cho tới việc đơn phương tuyên bố thiết lập một “vùng nhận dạng phòng không” xung quanh quần đảo Điếu Ngư (Nhật Bản gọi là quần đảo Senkaku) trên biển Hoa Đông. Và những nhà hoạch định quân sự Hoa Kỳ đang ngày càng thêm lo ngại về lộ trình hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc và học thuyết “chống tiếp cận, chống xâm nhập” (*Anti-Access/Area-Denial* hay *A2/AD*), được họ coi như là một nỗ lực được che đậy yếu kém của Trung Quốc nhằm làm suy yếu khả năng bảo vệ các lợi ích và hỗ trợ cho những cam kết liên minh của Hoa Kỳ ở phía Tây Thái Bình Dương.

Cùng lúc đó, chính quyền Obama cũng đang tích cực xúc tiến kế hoạch tái định hướng chiến lược của họ, còn gọi là “xoay trục” hay “tái cân bằng” sang Châu Á. Họ khẳng định rằng động lực của họ là tăng cường sự ổn định trong khu vực nhằm phục vụ lợi ích của tất cả các bên, thay vì bao vây và đe dọa Trung Quốc. Nhưng có rất ít quan chức Trung Quốc, đặc biệt trong giới quân đội và an ninh quốc gia, tin là như vậy. Họ cũng nghiên cứu lịch sử và lý thuyết quan hệ quốc tế của mình và kết luận rằng giống như hầu hết những cường quốc thống trị trước đây, Hoa Kỳ cũng quyết tâm duy trì vị thế bá chủ của mình, làm cản trở sự trỗi dậy của Trung Quốc và khiến nước này dễ bị tổn hại. Để chứng minh rằng Mỹ có hung ý, họ chỉ ra việc Hoa Kỳ tăng cường năng lực [quân sự] như mở rộng khả năng phòng vệ tên lửa khu vực; xây mới và tăng cường sắp đặt các căn cứ ở Australia, Guam và Singapore; tiến hành các cuộc diễn tập quân sự và do thám gần lãnh thổ Trung Quốc trong thời gian gần đây, cũng như duy trì các liên minh an ninh đã có từ thời Chiến tranh Lạnh. Và, như họ khẳng định, thì cách lý giải hợp lý duy nhất cho khái niệm quân sự mới nổi của Mỹ - “tác chiến không–biển” (“*air-sea battle*”) - là mong muốn cưỡng ép Trung Quốc bằng cách đe dọa nước này với một cuộc tấn công phủ đầu mạnh mẽ và dứt khoát.

Do sự không chắc chắn bao trùm lên tương lai an ninh của Châu Á, hành động của mỗi bên đều có thể được hiểu và hợp thức hóa thành các biện pháp phòng ngừa khả năng thù địch hay gây hấn trong tương lai từ bên còn lại. Nhưng chính cách tư duy duy lý ngắn hạn như vậy lại có thể tạo ra thêm sự ngờ vực và

mất tin tưởng lâu dài, khiến cho lời tiên đoán về xung đột trong tương lai tự trở thành hiện thực – chính vì vậy, việc tìm ra biện pháp tối ưu để giải quyết hay giảm thiểu một thể lưỡng nan an ninh kinh điển như vậy là vô cùng quan trọng.

Một cách để ngăn ngừa những xung đột không cần thiết là giảm thiểu ảnh hưởng xấu từ những nhận thức sai lầm. Những nhận thức này có thể xuất phát từ hai hướng khá đối lập: từ việc một bên nhìn nhận ra một mối đe dọa [từ bên kia] trong khi không có, hoặc không tin vào việc bên kia chỉ có ý định bảo vệ lợi ích của mình. Điều này nghĩa là thách thức thực tế cho cả Washington và Bắc Kinh là xoa tan những nỗi sợ hãi không có thật trong khi duy trì khả năng răn đe bằng những đe dọa thực sự khi cần thiết. Điều đáng mừng là cả lịch sử và lý thuyết đều cho thấy 4 công cụ có thể hữu ích trong việc này: kiểm chế, có đi có lại, minh bạch và linh hoạt.

Kiểm chế là sẵn lòng từ bỏ những hành động có thể củng cố an ninh của mình nhưng đồng thời sẽ mang về đe dọa một bên nào đó. Có đi có lại là sự phản ứng tương xứng của một bên trước những hành động của bên kia – trong trường hợp này, đó là một dấu hiệu cho thấy sự kiểm chế được hiểu là nhẫn nhịn (thay vì yếu kém) và được phản hồi bằng thi đua thay vì lợi dụng. Sự minh bạch giúp trấn an nỗi sợ hãi rằng những động thái mang về tích cực của đối phương che dấu những ý định thù địch khác. Và sự linh hoạt cung cấp một biên độ an toàn trong việc giữ cho khủng hoảng khỏi leo thang và giúp các bên dễ dàng hơn trong việc cố gắng bắt đầu quá trình kiểm chế, có đi có lại và minh bạch hóa. May thay cho các bên là, có rất nhiều những biện pháp thực tiễn mà cả Washington và Bắc Kinh có thể áp dụng vào chính sách an ninh quốc gia của mình nhằm gia tăng lòng tin và làm giảm nguy cơ xung đột.

Tư duy theo cách thông thường

Từ góc độ của Washington, điều không rõ ràng nhất về những dự định tương lai của Trung Quốc bắt nguồn từ sự gia tăng nhanh chóng và vững chắc về chi tiêu quân sự của Trung Quốc, và cùng với nó là sự đầu tư vào các loại vũ khí thông thường cao cấp, tạo ra thách thức cho năng lực của Hoa Kỳ. Quả thực là mức chi tiêu quân sự hiện tại của Trung Quốc theo những đánh giá rộng rãi nhất – ở mức xấp xỉ 200 tỉ USD hàng năm, hay khoảng 2% GDP – vẫn chỉ chưa bằng một phần ba so với chi tiêu của Mỹ (hiện nay là 600 tỉ USD một năm, hay 3,5% GDP). Ở mức tăng trưởng hiện tại, ngân sách quân sự hàng năm của Bắc Kinh sẽ không thể bằng với mức của Washington cho tới tận năm 2030. Và thậm chí đến lúc đó, Hoa Kỳ vẫn có thể dựa vào kho dự trữ vũ khí hiện đại, kinh nghiệm chiến đấu trong nhiều năm

và chi tiêu của đồng minh cũng như các đối tác (hiện nay vào khoảng 400 tỉ hàng năm).

Nhưng nếu Trung Quốc muốn xoa dịu những e sợ từ quốc tế và ra hiệu rằng mục tiêu của họ là tự vệ chính đáng thay vì vươn sức mạnh ra bên ngoài và đe dọa các quốc gia khác, nước này có thể thực hiện nhiều bước đi mang tính xây dựng. Biết rằng chi tiêu của Mỹ không chỉ dành vào năng lực ở Châu Á mà còn trên toàn thế giới, sẽ là hợp lý khi cho rằng Trung Quốc có thể tự vệ thích đáng chỉ với khoảng một nửa số chi tiêu mà Hoa Kỳ bỏ ra. Bằng cách giảm tỉ lệ gia tăng ngân sách quân sự trong những năm tới, Trung Quốc có thể ra hiệu rằng mục tiêu của họ là chỉ tự vệ thay vì đạt được cân bằng tuyệt đối. Và Trung Quốc cũng có thể hạn chế mua các hệ thống vũ khí (như các loại tên lửa đạn đạo chống tàu ngầm xa), những vũ khí mà mục đích sử dụng của chúng có vẻ trái ngược với khẳng định rằng nước này hoan nghênh sự hiện diện của quân đội Mỹ ở Tây Thái Bình Dương, đặc biệt nếu được mua với số lượng lớn. Rộng hơn nữa, Trung Quốc có thể minh bạch hơn về ngân sách và chi tiêu quân sự, và làm sáng tỏ hơn những mục tiêu của học thuyết A2/AD của họ.

Về phần mình, Hoa Kỳ có thể từng bước chứng minh rằng quá trình hiện đại hóa lực lượng quân sự thông thường của nước này không nhằm đe dọa những lợi ích an ninh chính đáng của Trung Quốc. Một biểu hiện của sự kiềm chế như vậy là việc ngân sách quốc phòng của Hoa Kỳ đang suy giảm. Nhưng trong việc này, Washington vẫn có thể làm được nhiều hơn, điển hình như làm rõ mục đích của khái niệm "tác chiến không- biển", đổi tên nó thành "chiến dịch không- biển" ("air-sea operations"), đưa thêm các quân chủng khác tham gia vào chính sách châu Á của Hoa Kỳ bên cạnh hải quân và không quân, và thay đổi một số điểm mang "hàm ý công kích" trong học thuyết không-biển của họ, những điểm có vẻ trực tiếp đe dọa đến khả năng chỉ huy-kiểm soát cũng như các tài sản chiến lược của Trung Quốc với một đòn tấn công phủ đầu ngay từ đầu nếu xung đột diễn ra. Để những thay đổi trong học thuyết như vậy đáng tin hơn, Hoa Kỳ có thể ngừng thu mua thêm tên lửa đạn đạo điều khiển từ xa và máy bay ném bom chiến lược, những vũ khí nếu mua với số lượng lớn có thể được xem như đe dọa đến sự tồn tại của Trung Quốc. Bằng việc triển khai những khí tài thông thường một cách đa dạng mà không phụ thuộc quá nhiều vào sự leo thang sớm (bao gồm những căn cứ vững chắc hơn và những tài sản khó bị phá hủy hơn trong một cuộc tấn công), Washington có thể góp phần làm giảm khả năng xảy ra một cuộc chạy đua vũ trang Mỹ-Trung và nguy cơ nổ ra xung đột trong thời gian đầu của cuộc khủng hoảng.

Từ vũ trụ tới không gian ảo

Biện pháp xây dựng lòng tin nổi bật nhất trong Chiến tranh Lạnh là những thỏa thuận kiểm soát vũ khí chiến lược mà, dù gặp một số vấn đề, cuối cùng đã giúp Washington và Moscow tăng cường ổn định trước khủng hoảng và hạn chế chạy đua vũ khí hạt nhân tiến công và phóng vệ. Vì nhiều lý do, những thỏa thuận kiểm soát vũ khí chính thức sẽ không phù hợp với quan hệ Mỹ-Trung hiện nay như với quan hệ Mỹ-Liên Xô, thậm chí trong một số trường hợp có thể phản tác dụng. Tuy nhiên, có một số giải pháp trong lĩnh vực vũ khí đặc biệt có thể làm giảm nghi ngờ giữa hai bên và khả năng leo thang xung đột vô ý hay xung đột quá sớm.

Lấy ví dụ về vấn đề không gian vũ trụ. Biết được sự phụ thuộc sâu sắc của Hoa Kỳ vào vệ tinh cho cả mục đích quân sự lẫn dân sự, các nhà hoạch định Trung Quốc rõ ràng đang cân nhắc làm thế nào để vô hiệu hóa những lợi thế mà vũ trụ mang lại cho các hoạt động quân sự của Hoa Kỳ. Nhưng chính vì sự phụ thuộc này, Hoa Kỳ sẽ buộc phải hành động mạnh mẽ và nhanh chóng nếu tin rằng những vệ tinh của mình đang gặp nguy hiểm, khiến cho khó có thời gian để tìm bằng chứng hay các biện pháp ngoại giao để ngăn chặn khủng hoảng. Vì lý do này, Washington bắt buộc phải có các biện pháp tăng cường an ninh cho những tài sản vũ trụ của mình, và những biện pháp này cũng sẽ được Bắc Kinh chú ý hơn, do dần dần họ cũng sẽ nâng cao năng lực vũ trụ của mình. Không có gì đảm bảo được sự an toàn tuyệt đối trong vũ trụ, do mỗi vệ tinh dân sự đều khiến được đều có khả năng phá hủy một vệ tinh khác. Nhưng bằng việc áp dụng các biện pháp như thỏa thuận giữ khoảng cách an toàn xung quanh các vệ tinh, các chuẩn mực hành xử vẫn có thể được thiết lập nhằm hợp thức hóa việc sử dụng vũ lực để tự vệ mà không bị coi là khiêu khích. Ở đây sự linh hoạt cũng là quan trọng, vì Hoa Kỳ sẽ cần có những hệ thống vũ trụ và trên không có số dư dự phòng để bù đắp cho tình trạng dễ bị tổn thương không thể tránh khỏi.

Tương tự, Hoa Kỳ và Trung Quốc, và lý tưởng nhất là cùng các quốc gia khác, có thể đồng ý thông qua một hiệp ước ngăn cấm va chạm hoặc các vụ nổ có thể sinh ra những mảnh vỡ trên độ cao xấp xỉ 1.000 dặm trong không gian, tại vùng mà những vệ tinh tầm thấp thường xuyên hoạt động. Khu vực này đã có nhiều mảnh vỡ đến mức có thể làm cho những hoạt động vũ trụ trong tương lai trở nên nguy hiểm, và do những thử nghiệm hệ thống phòng thủ tên lửa thường diễn ra ở cao độ thấp hơn, thỏa thuận như vậy sẽ mang lại nhiều lợi ích mà gần như không có bất lợi nào. Cả hai bên cũng có thể thỏa thuận không phát triển hoặc thử nghiệm các vũ khí chống vệ tinh hoặc các vũ khí không đối đất. Tất nhiên, chỉ hạn chế thử nghiệm sẽ không loại trừ khả năng sử dụng các loại vũ khí này, nhưng

chúng có thể làm giảm đi mức tự tin vào chúng của mỗi bên, cũng như làm giảm sự sẵn lòng đầu tư và phụ thuộc vào những vũ khí đó, vốn được coi là có thể gây bất ổn lớn trong khi chưa chắc đã mang lại hiệu quả rõ rệt.

Sự kiềm chế có thể đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tăng cường lòng tin trong lĩnh vực hạt nhân. Ví dụ, việc Trung Quốc vẫn còn kiềm chế triển khai vũ khí hạt nhân cho đến nay càng khẳng định rằng học thuyết về [vũ khí] hạt nhân của nước này mang tính phòng vệ. Tương tự, việc Hoa Kỳ kiềm chế không triển khai một lượng lớn hệ thống đánh chặn tên lửa đạn đạo vốn có thể vô hiệu hóa khả năng trả đũa của Trung Quốc củng cố thêm cho việc Mỹ có ý định phòng thủ. Kể cả khi không được chính thức hóa, việc tiếp tục kiềm chế như vậy vẫn giúp xây dựng niềm tin, điều có thể được củng cố nếu hai bên thông qua Hiệp ước Cấm Thử Vũ khí Hạt nhân Toàn diện cũng như thực hiện những cơ chế xác minh đi kèm.

Các biện pháp như trên có thể được tăng cường nhờ những thỏa thuận minh bạch như cơ chế “vùng trời mở”, giúp cho sự kiềm chế của hai bên đáng tin hơn nữa. Cơ chế này có thể được xây dựng dựa trên thỏa thuận giữa Hoa Kỳ, Nga và các nước thuộc NATO và Khối Hiệp ước Warsaw trước đây trong việc tiến hành những chuyến bay qua lãnh thổ của nhau (khoảng 100 chuyến bay mỗi năm) theo một hiệp ước có từ đầu những năm 1990. Các nước đều biết cách bảo vệ những bí mật quan trọng trước những chuyến bay của nước ngoài qua lãnh thổ của họ, vì thế thỏa thuận trên không phải là điều đáng quan ngại cho an ninh của mỗi nước. Nhưng một hiệp ước như vậy có thể xoa dịu sự bức bối của Bắc Kinh trước các chuyến bay do thám thường xuyên của Hoa Kỳ gần đường bờ biển Trung Quốc. Thậm chí, như cựu Cố vấn An ninh quốc gia Zbigniew Brzezinski đã đề xuất, [Hoa Kỳ] có thể cắt giảm số lượng những chuyến bay do thám này một cách vừa phải – một biện pháp rất đáng cân nhắc, đặc biệt nếu Trung Quốc sẵn lòng đáp lại bằng việc tăng cường tính minh bạch.

Không gian mạng là vấn đề đặc biệt khó khăn. Cũng như trong vấn đề vũ trụ, sự phụ thuộc cao của Hoa Kỳ vào cơ sở hạ tầng mạng ảo chính là một điểm yếu và đặt ra áp lực phải nhanh chóng đáp trả trước mọi cuộc tấn công, thậm chí trước khi nguồn gốc của cuộc tấn công được làm rõ. Cùng với đó, sự tập trung của Mỹ dành cho “phòng thủ chủ động” đối với các cơ sở hạ tầng này trong thời gian gần đây dường như ám chỉ rằng Washington sẵn lòng tấn công nhằm vô hiệu hóa các mối đe dọa có thể xuất hiện, bất chấp mỗi nguy hiểm từ các hành động leo thang trả đũa.

Có rất nhiều lý do để tin rằng ít có khả năng cả Washington và Bắc Kinh sẽ nhắm vào các cơ sở hạ tầng mạng của nhau, trừ khi cả hai đứng bên bờ vực xung

đột lớn. Sự phụ thuộc kinh tế lẫn nhau của hai nước chỉ ít cũng bảo vệ cả hai khỏi khả năng bị tấn công bất ngờ. Nhưng những bên khác, bao gồm cả các chủ thể phi quốc gia như các phần tử khủng bố hoặc tin tặc, có thể chủ định làm giả những cuộc tấn công như vậy nhằm kích động một cuộc khủng hoảng hay thậm chí là chiến tranh. Chính vì lý do đó, Hoa Kỳ và Trung Quốc nên đồng ý cùng hợp tác điều tra các vụ tấn công mạng “nặc danh”, tạo dựng tính minh bạch và cam kết có uy tín nhằm tránh nhằm mục tiêu vào các cơ sở hạ tầng dân dụng của mỗi bên. Đồng thời, sự linh hoạt là đặc biệt quan trọng trong vấn đề không gian mạng, vì các nước càng khắc phục được những điểm yếu của mình trước các cuộc tấn công bất ngờ thì họ càng có nhiều thời gian để tìm ra nguyên nhân thực sự của vấn đề và làm giảm nguy cơ leo thang xung đột ngoài ý muốn.

Cảnh giác khu vực

Khả năng cao nhất dẫn đến đối đầu quân sự trực tiếp giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc trong ngắn hạn đến từ những căng thẳng ngày càng gia tăng trên vùng biển Hoa Đông và Hoa Nam (biển Đông). Việc Hoa Kỳ có cam kết an ninh với Nhật Bản và Philippines, hai quốc gia đều có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc, và việc Hoa Kỳ sẵn sàng đòi những quyền lợi hàng hải cơ bản trong khu vực biển nói trên (điều đã dẫn đến cuộc chạm trán giữa tàu USS Cowpens của Mỹ và một số tàu Trung Quốc vào tháng 12 vừa qua) có thể khiến Washington vướng vào xung đột, dù Hoa Kỳ không có tuyên bố chủ quyền lãnh thổ trong khu vực này. Những căng thẳng này khó có thể được sớm giải quyết. Những lợi ích đang thực sự bị đe dọa thì không lớn, và phần nhiều xung đột liên quan có thể được giải quyết nếu có đủ quyết tâm từ cả hai phía. Nhưng dường như các bên liên quan lo sợ rằng bất kỳ biểu lộ nào của sự kiềm chế hay thỏa hiệp đều sẽ bị coi là yếu thế, dẫn đến nhiều hành động quyết liệt hơn trong tương lai. Như vậy, việc tìm ra biện pháp để phòng tránh các cuộc khủng hoảng hoặc ngăn cho chúng khỏi lan rộng ra lại càng quan trọng.

Trung Quốc có thể trấn an về ý định của mình bằng việc tán thành và thực hiện bộ quy tắc ứng xử trên biển Đông do Hiệp hội các Nước Đông Nam Á (ASEAN) đề ra. Việc kiềm chế triển khai lực lượng quân sự và đồng ý thực hiện các quy trình hoạt động để làm giảm nguy cơ tai nạn và tính toán sai sẽ giúp cho cam kết trở lại đây hòa bình của Bắc Kinh đáng tin hơn, và các quy trình tương tự có thể được áp dụng với vấn đề quần đảo Điếu Ngư/Senkaku. (Đây là vấn đề mà Bắc Kinh phải có thay đổi chính sách lớn hơn; ngoài ra vẫn có những vấn đề khác mà trong đó gánh nặng trách nhiệm lớn hơn thuộc về Washington, ví dụ như việc giảm quy mô năng lực hạt nhân tấn công cùng với Nga).

Không những thế, giới lãnh đạo Mỹ - Trung cần phải thiết lập những cơ chế tốt hơn nữa nhằm thực hiện đối thoại trực tiếp và thẳng thắn trong giai đoạn khủng hoảng. Từ năm 1988, hai nước đã từng có đường dây nóng nối giữa các lãnh đạo cấp cao, nhưng lại ít có giao thiệp giữa các lực lượng quân sự, phần lớn là do Bắc Kinh vẫn thận trọng trước kiểu cam kết như vậy. Một thỏa thuận quân sự trên biển, cũng có từ năm 1988, đã khuyến khích có sự tham vấn và minh bạch trong hoạt động của riêng mỗi nước, song không bao gồm vấn đề luật lệ giao thông đi lại hay các di chuyển chiến thuật cụ thể. Thiết lập một đường dây nóng quân sự dựa theo đường dây nóng giữa Mỹ-Liên Xô sẽ là hợp lý; ít nhất thì mỗi nước nên có một danh sách liên lạc hoàn chỉnh dành cho các lãnh đạo quân sự cấp cao của nước còn lại, để tạo điều kiện đối thoại nhanh chóng trong tình trạng khủng hoảng.

Cả hai nước, và có lẽ cả các chủ thể khác trong khu vực, có thể tán thành một hiệp ước về sự cố trên biển tương tự như hiệp ước giữa Washington và Moscow trong Chiến tranh Lạnh, trong đó không chỉ bao gồm các lực lượng hải quân mà cả tuần duyên và thậm chí cả các tàu buôn. Cả hai bên chắc chắn sẽ tiếp tục các hoạt động giám sát và làm việc đó một cách hợp pháp, nhưng nếu có hiệp ước nói trên thì sẽ gặp phải ít rủi ro hơn rất nhiều. Hiệp ước này sẽ được thiết lập để đảm bảo các tàu biển của hai nước không đến quá gần nhau, hàng không dân dụng không bị ảnh hưởng, và các tàu ngầm sẽ không nổi lên mặt nước hay hành xử theo những cách tiềm ẩn nhiều rủi ro khác.

Về các vấn đề khu vực thì dù một cuộc chiến tranh Triều Tiên nữa khó có thể xảy ra, nhưng các sự kiện diễn ra trong thời gian gần đây trên bán đảo Triều Tiên (như việc Bắc Triều Tiên vẫn tiếp tục các chương trình hạt nhân và tên lửa, đánh chìm tàu Cheonan của Hàn Quốc và bắn pháo vào đảo Yeonpyeong năm 2010) vẫn nhắc nhở chúng ta rằng nguy cơ căng thẳng leo thang thành xung đột lớn hơn vẫn tồn tại. Nếu như khủng hoảng nổ ra do kết quả của các hành động khiêu khích mới hoặc do sự sụp đổ của Bắc Triều Tiên, thì không khó để hình dung Mỹ và Trung Quốc sẽ bị kéo vào, cùng với những hậu quả nghiêm trọng tiềm ẩn. Vì vậy, việc thực hiện những hành động thực tế nhằm đặt nền móng cho sự hợp tác để phản ứng trước khủng hoảng có thể xảy đến trong tương lai là rất hợp lý.

Ít nhất, mỗi bên có thể trấn an bên kia rằng các kế hoạch đối phó với khủng hoảng của mình (kể cả những kế hoạch như chiếm giữ nguyên liệu hạt nhân của Bắc Triều Tiên hay lập lại trật tự chính trị) là vì mục đích ổn định tình hình thay vì đe dọa. Về phía Bắc Kinh, sự miễn cưỡng không muốn đối thoại về những chủ đề như vậy vì lo ngại sẽ làm Bình Nhưỡng nổi giận có thể bị phá vỡ bằng cách khởi động đối thoại theo hình thức trao đổi kênh hai giữa các học giả và các quan chức

đã nghỉ công tác. Bắc Kinh cũng nên nhận ra rằng trên một bán đảo Triều Tiên được tái thống nhất thì Seoul sẽ có quyết định về việc quân đội Mỹ có ở lại hay không. Về phần mình, Washington nên trấn an Bắc Kinh rằng nếu các lực lượng quân đội Mỹ vẫn ở lại bán đảo Triều Tiên (giả sử Seoul vẫn muốn sự hiện diện của Mỹ) thì sẽ là với lực lượng ít hơn hiện nay và sẽ không đóng quân xa hơn về phía bắc so với hiện tại. Và cả Seoul và Washington nên sẵn sàng đề nghị Trung Quốc giúp đỡ nếu xảy ra tình huống bất ngờ trong tương lai, ít nhất là ở khu vực phía bắc của Triều Tiên.

Mặc dù căng thẳng giữa Trung Quốc và Đài Loan đã dịu bớt trong những năm gần đây, Đài Loan vẫn là vấn đề gây tranh cãi trong quan hệ Mỹ-Trung, một phần vì Trung Quốc vẫn chưa từ bỏ khả năng sử dụng vũ lực để tái thống nhất Đài Loan với đại lục và một phần vì Hoa Kỳ vẫn tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan. Một số căng thẳng là không tránh khỏi vì có sự khác nhau cơ bản về lợi ích giữa các bên liên quan. Nhưng dù vậy, sự trấn an vẫn có thể hữu ích. Về phía Bắc Kinh, điều này nghĩa là tạo thêm uy tín cho ý định tìm kiếm con đường hòa bình tiến tới thống nhất mà họ đã đề cập, thông qua việc phần nào hạn chế việc hiện đại hóa quân sự và chấm dứt các cuộc diễn tập quân sự vốn tập trung vào đe dọa Đài Loan bằng hàng rào hoặc phong tỏa tên lửa. Về phía Washington, điều này nghĩa là phải đảm bảo rằng vũ khí họ bán cho Đài Bắc thực tế chỉ là để phòng ngự và tỏ rõ sự sẵn lòng cắt giảm lượng vũ khí bán cho Đài Loan để đáp lại những nỗ lực có ý nghĩa, quan sát được và không thể đảo ngược của Trung Quốc trong việc làm giảm thái độ đe dọa của họ đối với Đài Loan.

May mắn thay, cả hai phía đều đang theo đuổi những yếu tố chủ chốt của một kế hoạch như vậy. Tuy nhiên, việc Bắc Kinh đang tích trữ tên lửa và khả năng Washington đối phó bằng cách giúp tăng cường khả năng phòng chống tên lửa cho Đài Loan đều có thể tạo ra sự leo thang mới – hoặc cũng có thể dẫn đến một vòng trấn an mới. Trung Quốc có thể bắt đầu một cách hữu ích quá trình trấn an mới bằng việc giảm thiểu triển khai tên lửa.

Thêm tín hiệu, bớt ồn ào

Chìa khóa để ổn định hóa dài hạn quan hệ Mỹ-Trung là mỗi bên phải làm rõ những ranh giới thực sự của mình và cái giá mà mỗi bên chịu trả để bảo vệ những ranh giới đó, ít nhất là về trung hạn. Cũng như sự trấn an, sự quyết tâm đối thoại chính

xác đòi hỏi nhiều hơn là lời nói; nó đòi hỏi cả ý chí và năng lực có thể thực thi những lời đe dọa.

Như vậy nghĩa là Washington phải làm cho Bắc Kinh hiểu rằng Washington sẽ bảo vệ không chỉ lãnh thổ và người dân của mình mà còn bảo vệ cả những đồng minh chính thức và đôi lúc là cả những nước thân cận nhưng không liên minh chính thức. Đây là một phần của những gì chiến lược tái cân bằng của chính quyền Obama được cho là phải làm, nhưng để đạt được hiệu quả thì nó phải được giám sát kỹ lưỡng và thực thi nghiêm chỉnh thay vì bị để cho phai nhạt. Tất nhiên, thể hiện quyết tâm không buộc phải đồng nghĩa với việc đáp trả mọi hành động khiêu khích bằng biện pháp quân sự trực tiếp. Đôi khi, các giải pháp phi quân sự, như các lệnh trừng phạt hay sắp đặt căn cứ mới mới là hợp lý nhất, cũng như sử dụng đàm phán để đưa ra những "con đường tắt" hay những "đại lộ" thích hợp khác nhằm giảm leo thang khủng hoảng. Biện pháp tốt nhất để ra tín hiệu quyết tâm một cách khôn ngoan trong một trường hợp cụ thể sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm cả mức độ điều phối mà Washington có thể đạt được với các nước đồng minh và đối tác. Nhưng đặc biệt quan trọng là phải báo hiệu từ sớm và rõ ràng cho Bắc Kinh rằng có một số ranh giới mà họ không thể vượt qua mà không bị trừng phạt.

Đổi lại, Hoa Kỳ cần phải hiểu và tôn trọng sự kiên định của Trung Quốc trong việc bảo vệ những lợi ích quốc gia thiết yếu của mình, nếu cần thiết thì bằng cả vũ lực. Trong phạm vi mà những lợi ích này được xác định chính đáng, điều này có thể được coi là hành động đòi quyền tự vệ chính đáng có thể chấp nhận được của Trung Quốc theo Điều 51 của Hiến chương Liên Hợp Quốc, và dựa trên việc Trung Quốc thường xuyên bị tổn hại do các cuộc xâm lược và gây hấn trong lịch sử, không khó hiểu khi Trung Quốc từng bước thực hiện các biện pháp để tăng thêm độ tin cậy cho quyết tâm của mình. Khó khăn ở đây là trong những năm gần đây, dường như Bắc Kinh đã liên tiếp đòi những lợi ích "cốt lõi" ngày một nhiều, và thường làm việc này một cách hung hăng, biến cả những tranh chấp tương đối nhỏ lẻ và thường lệ trở thành những cuộc đối đầu tiềm ẩn nhiều nguy hiểm và những thử thách đầy rủi ro không cần thiết cho sự kiên quyết của mỗi bên. Bắc Kinh cần phải nhận thấy rằng theo thời gian, những hành vi như vậy sẽ làm giảm tính hợp pháp và hiệu lực của những quyền lợi quan trọng hơn, gửi đi những tín hiệu mâu thuẫn và phá hoại mục đích lâu dài của chính họ.

Quan hệ Mỹ-Trung có thể đang tiến đến bước ngoặt. Sự đồng thuận lâu dài của hai đảng của Hoa Kỳ trong việc hướng đến một mối quan hệ mang tính xây dựng với Trung Quốc đã bị lung lay, và Trung Quốc cũng đang ngày càng bi quan về quan hệ song phương giữa hai nước trong tương lai. Tuy nhiên việc Hoa Kỳ coi

sự trỗi dậy của Trung Quốc là thảm họa tất yếu có thể dẫn đến việc không chấp nhận một thực trạng mới (về vị trí của Trung Quốc), hoặc một sự kháng cự cứng rắn nhằm bảo vệ những đặc quyền cũ – cả hai khả năng đều không hứa hẹn và suy cho cùng đều là thất sách. Xây dựng một mối quan hệ trên cơ sở nguyên tắc trấn an và quyết tâm chiến lược mở ra một viễn cảnh tươi sáng hơn mà không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của bên nào. Trên thực tế, thay vì chỉ hi vọng hoặc lập kế hoạch tin tưởng, biện pháp trên thay thế cho một cách tiếp cận mang tính “tin tưởng nhưng phải xác minh”. Như thế an toàn hơn biện pháp ngăn chặn cổ điển rất nhiều, bởi vì nó giúp giảm bớt khả năng khiêu khích hay leo thang xung đột ngoài ý muốn. Nếu may mắn, như vậy có thể là đủ để ngăn chặn xung đột toàn diện, một kết quả mà những người khôn ngoan từ cả hai phía đều nên theo đuổi.

JAMES STEINBERG là Giáo sư ngành Khoa học Xã hội, Các Vấn đề Quốc tế & Luật và là Hiệu trưởng Trường Công vụ và Dân sự Maxwell tại Đại học Syracuse.

MICHAEL O'HANLON là Học giả Cao cấp tại Trung tâm An ninh và Tình báo Thế kỷ 21 và Giám đốc Nghiên cứu Chương trình Chính sách Đối ngoại tại Viện Brookings.

Cả hai người là đồng tác giả của cuốn sách Strategic Reassurance and Resolve: U.S.-China Relations in the Twenty-first Century (Princeton University Press, 2014). Bài viết ở trên được dựa theo nội dung của cuốn sách này.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
